

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v “tranh chấp ly hôn”

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T có thái độ không tôn trọng ông T do ông T làm việc có thu nhập thấp. Ngoài ra, đối với gia đình của ông T bà X cũng không coi trọng, không làm tròn bổn phận của người vợ và người con dâu. Cuộc sống gia đình hàng ngày luôn căng thẳng do bà T không biết cách dạy con mà chỉ biết mắng chửi con. Ông T đã nộp đơn ly hôn và rút đơn để vợ chồng có cơ hội hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được. Nay, ông nhận thấy tình cảm dành cho bà X không còn và không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị X.

Về con chung : Có hai con chung tên Nguyễn Đức A1, sinh năm 1994 đã trưởng thành và Nguyễn Phạm Kim A2, sinh ngày 24/12/2003. Ly hôn, ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bà Phạm Thị X trình bày: Bà X thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn và chung sống. Tuy nhiên, bà không đồng ý với phần trình bày của ông T về mâu thuẫn gia đình. Bà thừa nhận vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Trong cuộc sống gia đình bà vẫn làm tròn bổn phận và trách nhiệm của người vợ, người con dâu và người mẹ. Con gái đang trong giai đoạn tuổi dậy thì, trưởng thành nên bà có dạy bảo con chứ không phải chửi mắng như ông T trình bày. Do hiện nay, bà X đang bị bệnh, con đang tuổi dậy thì và tuổi ăn học cần có sự quan tâm, chỉ bảo của cả cha và mẹ, hơn nữa bà cũng còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T. Bà X yêu cầu Tòa án bác yêu cầu ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình và cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Về con chung : Có hai con chung tên Nguyễn Đức A1, sinh năm 1994 đã trưởng thành và Nguyễn Phạm Kim A2, sinh ngày 24/12/2003. Trường hợp ông T vẫn cương quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chưa trưởng thành và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có.

Tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị X vì tình cảm ông dành cho bà X không còn.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chưa trưởng thành là trẻ Nguyễn Phạm Kim A1, sinh ngày 24/12/2003 và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bà Phạm Thị X trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T vì bà vẫn còn dành tình cảm cho ông T. Bà thừa nhận trong cuộc sống bà có những lỗi như ông T trình bày đúng. Bà X hứa sẽ khắc phục và xin ông T tha thứ để đoàn tụ gia đình. Hơn nữa, hiện nay sức khỏe của ông T và bà đều không tốt. Bà đang theo dõi sau điều trị ung thư đại tràng, ông T cũng mang nhiều bệnh trong người, bà và ông T đều đã lớn tuổi cần có sự chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, con trai của ông bà là Nguyễn Đức A1 cũng vừa phát hiện bị ung thư tuyến giáp nên rất cần sự quan tâm, lo lắng của gia đình. Vợ chồng cần có sự chăm sóc lẫn nhau lúc về già nên bà tha thiết yêu cầu Tòa án bác đơn ly hôn của ông T để gia đình được đoàn tụ và cùng nhau chăm lo sức khỏe của cả gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ông Nguyễn Đức T yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị X, bà X có nơi cư trú tại quận B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/BN, quyển số 01-93 ngày 01/7/1993 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận Q, Tp.H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[2] Về pháp luật nội dung:

Ông Nguyễn Đức T yêu cầu được ly hôn với bà phạm Thị X với lý do bà X không có sự quan tâm, tôn trọng dành cho chồng và gia đình chồng, vợ chồng mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, bà X không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Qua diễn biến tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bà X trong cách cư xử hàng ngày không được tinh tế, khéo léo, cách giáo dục con đôi lúc chưa phù hợp dẫn đến vợ chồng có sự xung đột và mâu thuẫn nhưng đó đều xuất phát từ tình yêu thương gia đình, con cái. Tại phiên tòa, bà X đã nhận ra khuyết điểm của mình và hứa sẽ thay đổi, khắc phục. Đồng thời, hiện tại cả bà X và ông T đều đang bị bệnh và cũng đã lớn tuổi nên vợ chồng cần có sự chăm sóc, nương tựa nhau lúc tuổi già. Con ruột của ông T và bà X là Nguyễn Đức A1 vừa được chẩn đoán mắc bệnh ung thư tuyến giáp cần có sự động viên cả về mặt vật chất lẫn tinh thần và sự thương yêu, chăm sóc của gia đình để vượt qua bệnh tật. Theo truyền thống đạo đức tốt đẹp của người Việt Nam cùng nhau chia sẻ lúc hoạn nạn, khó khăn, yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Do đó, xét hoàn cảnh gia đình của ông T, bà X hiện nay cần có sự thương yêu, giúp đỡ nhau của tất cả các thành viên trong gia đình để cùng vượt qua bệnh tật, khó khăn. Mâu thuẫn giữa ông T, bà X có nhưng chưa đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, vẫn có khả năng hòa giải, khắc phục và hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức T là có cơ sở.

(3) Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(4) *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T:

-Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức T về việc ly hôn với bà Phạm Thị X.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông T đã nộp theo biên lai số 0038581 ngày 6/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Út

